Số: 927/QĐ-UBND
Thời gian ký: 2026-04-23T14:34:57+07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ DUY XUYÊN

Biểu mẫu số 56

QUYẾT TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN CỦA NGÂN SÁCH CẤP XÃ CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2025

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Dự toán	Quyết toán	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó		Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi khác	So sánh (%)
														Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản				
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	20= 2/1
	TỔNG SỐ	**210.191,39**	**189.938,83**	**73.045,71**	**-**	**2.086,44**	**2.409,64**	**1.314,27**	**1.851,61**	**362,55**	**258,52**	**700,86**	**23.934,72**	**4.394,12**	**9.643,93**	**61.361,48**	**22.530,50**	**82,53**	**90,4**
1	Văn phòng Đảng ủy	9.243,71	7.912,31													7.912,31			85,6
2	Ủy ban MTTQVN	3.680,44	3.646,51													3.626,51	20,00		99,1
3	Văn phòng HĐND và UBND	9.688,72	8.508,75			1.420,27	1.182,19									5.906,29			87,8
4	Phòng Kinh tế	65.191,29	53.030,36	243,02		666,17	1.052,97	402,40	1.063,64	167,89	242,20	700,86	22.591,95	4.394,12	9.118,81	22.701,04	3.135,69	62,53	81,3
5	Phòng Văn hóa - Xã hội	45.793,07	40.926,76	385,31				911,88	434,20				154,25			19.691,51	19.349,61		89,4
6	Trung tâm phục vụ Hành chính công	1.527,17	1.523,82													1.523,82			99,8
7	Trung tâm Cung ứng dịch vụ sự nghiệp công	1.747,52	1.239,34						353,77	194,66	16,32		669,39		6,00		5,20		70,9
8	Trường MG Duy Trinh	4.293,17	4.292,38	4.292,38															100,0
9	Trường MG Duy Trung	5.974,65	5.971,08	5.971,08															99,9
10	Trường MG Duy Sơn	5.887,80	5.884,80	5.884,80															99,9
11	Trường TH Duy Trinh	9.547,51	9.542,35	9.542,35															99,9
12	Trường TH Duy Trung	9.743,02	9.676,85	9.676,85															99,3
13	Trường TH Duy Sơn	10.271,82	10.266,81	10.266,81															100,0
14	Trường THCS Phù Đổng	8.624,38	8.586,29	8.586,29															99,6
15	Trường THCS Nguyễn Thành Hãn	9.592,28	9.560,63	9.560,63															99,7
16	Trường THCS Lương Thế Vinh	8.467,73	8.452,67	8.452,67															99,8
17	Các đơn vị khác cấp bằng Lệnh chi tiền	917,12	917,12	183,52			174,48						519,12		519,12		20,00	20,00	100,0

phivtl-24/04/2026 07:50:52 phivtl-phivtl-phivtl